

Biến đổi hôn nhân - gia đình và nhận thức của thanh niên về hôn nhân - gia đình

Nguyễn Thị Thu Nguyệt^(*)

Tóm tắt: Các nghiên cứu trên thế giới và Việt Nam về nhận thức của thanh niên trong hôn nhân - gia đình cho thấy, ý nghĩa của hôn nhân đã biến đổi phù hợp với mức độ phát triển và biến đổi xã hội. Nhiều nghiên cứu ở Mỹ và các nước phát triển chỉ ra sự “lỏng lẻo” của thiết chế hôn nhân dẫn đến tình trạng ly hôn, sống chung không kết hôn đã làm thay đổi quan niệm và nhận thức của thanh niên về ý nghĩa của hôn nhân - gia đình. Các yếu tố văn hóa và tôn giáo có ảnh hưởng quan trọng đến sự thay đổi nhận thức của thanh niên về hôn nhân và gia đình. Mặc dù tiến hành công nghiệp hóa muộn hơn so với các nước phương Tây nhưng Hàn Quốc, Nhật Bản, Đài Loan hay Ấn Độ đã đạt được mức độ phát triển cao về kinh tế, tuy nhiên nhận thức hướng đến ly hôn hoặc sống chung không kết hôn của thanh niên ở các nước này vẫn là tiêu cực. Sự khác biệt giới tác động đáng kể đến nhận thức của thanh niên về hôn nhân và gia đình.

Từ khóa: Hôn nhân - gia đình, Biến đổi hôn nhân, Nhận thức về hôn nhân - gia đình, Thanh niên

Abstract: International and Vietnamese studies on young people's perceptions of marriage and family indicate that the meaning of marriage has altered in line with the social development and change. Studies in developed countries, including the US, have shown that the “laxness” in marriage institution leading to divorce or cohabitation has changed the youth's perception and awareness about its meaning. Cultural and religious factors also have a major impact on this. While South Korea, Japan, Taiwan or India have achieved high economic growth regardless of their late industrialization compared to Western countries, their youth's perception of divorce or cohabitation is pessimistic. Last but not least, gender differences significantly affect young people's perceptions of marriage and family.

Keywords: Marriage and Family, Changes in Marriage and Family, Perception of Marriage and Family, Young People

1. Dẫn nhập

Nghiên cứu biến đổi hôn nhân và gia đình từ quan điểm cấu trúc xã hội và tương

tác biểu trưng cho thấy có những biến đổi trong hệ giá trị, những chuẩn mực liên quan đến hôn nhân và gia đình. Quá độ nhân khẩu học cũng như những biến đổi về chuẩn mực xã hội đưa đến sự thay đổi trong ý nghĩa của hôn nhân và tổ chức của gia

^(*) ThS., Viện Thông tin Khoa học xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam;
Email: thunguyetxhh@gmail.com

đình. Những thay đổi cấu trúc đó đã dẫn đến sự chuyển đổi đáng kể trong niềm tin xã hội và thực hành gắn liền với lựa chọn giáo dục, lựa chọn hôn nhân và lối sống (Knox và Schacht, 2009).

Ở Việt Nam, biến đổi kinh tế - xã hội kể từ khi Đổi mới đã dẫn đến những biến đổi gia đình. Theo Quỹ Dân số Liên Hợp Quốc (UNFPA), Việt Nam đang trong thời kỳ “cơ cấu dân số vàng” với khoảng 70% dân số trong độ tuổi 15-24 (UNFPA, 2016). Tuy nhiên, những vấn đề liên quan đến hôn nhân và gia đình ở nhóm thanh niên còn ít được nghiên cứu (Alexa DiFiore, 2011).

2. Biến đổi hôn nhân - gia đình

Nghiên cứu hôn nhân - gia đình trên thế giới cho thấy một bức tranh đa dạng về sự biến đổi của thiết chế hôn nhân - gia đình. Sự thay đổi của các giá trị và chuẩn mực trong hôn nhân để thích nghi với các điều kiện xã hội mới dẫn đến

những thay đổi trong khuôn mẫu hôn nhân truyền thống như sống chung không kết hôn (cohabitation) hoặc sống độc thân (single), từ đó kéo theo những biến đổi của tổ chức gia đình và mối quan hệ giữa các thế hệ.

Dữ liệu về hôn nhân thế giới trong gần nửa thế kỷ qua chỉ ra rằng, tỷ lệ kết hôn hàng năm ở hầu hết các nước phương Tây đều suy giảm (Xem bảng 1).

So sánh khuôn mẫu hôn nhân trong các giai đoạn khác nhau của sự phát triển và biến đổi xã hội cho thấy hôn nhân và gia đình đã biến đổi, đặc biệt từ giai đoạn bắt đầu cách mạng công nghiệp và quá trình công nghiệp hóa ở phương Tây. Quan niệm về hôn nhân như một thiết chế phụ thuộc và phục vụ cho sự tồn tại của thiết chế gia đình từng tồn tại trong lịch sử đang bị thách thức trước những biến đổi văn hóa và xã hội đương đại. Nếu như trong quá khứ,

mục tiêu trung tâm của hôn nhân là thực hiện những nghĩa vụ xã hội và gia đình (như thừa kế về tài sản và truyền thống), thì trong môi trường mới, hạnh phúc trong đời sống liên cá nhân trở thành mục tiêu chủ yếu của hôn nhân, và hôn nhân trở thành phương tiện chủ yếu đáp ứng nhu cầu về tình cảm hoặc nhu cầu về sự thân mật (intimacy) - sự xúc cảm gắn liền với sự tin tưởng.

Phân tích quá trình biến đổi hôn nhân trong xã hội Mỹ và Tây Âu đương đại, các nhà nghiên cứu đã làm rõ hơn sự biến đổi về ý nghĩa của hôn nhân, từ hôn nhân như một thiết chế đến hôn nhân như là sự đồng

Bảng 1: Tỷ lệ kết hôn ở một số nước phương Tây (Đơn vị: %)

Nước	1970	1985	1995	2000	2015 ¹	2017 ²
Bỉ	7,6	5,8	5,1	4,3	4,3	3,9
Canada	8,8	7,3	5,5	4,7	-	-
Pháp	7,8	4,9	4,4	4,3	3,6	3,5
Đức	7,4	6,4	5,3	4,5	4,9	4,9
Ý	7,4	5,3	5,1	4,2	3,2	3,2
Hà Lan	9,5	5,7	5,3	4,4	3,8	3,8
Thụy Điển	5,4	4,6	3,8	5,0	5,3	5,2
Thụy Sĩ	7,4	6,0	5,8	5,4	5,0	4,8
Anh	8,5	7,0	5,6	4,5	4,4	-
Mỹ	10,6	10,1	8,8	8,2 ³	6,9 ⁴	6,9 ⁵

Nguồn: World Marriage Data (Dẫn theo: Engelen & Puschmann, 2011).

^{1, 2} Số liệu năm 2015 và 2017 được cập nhật từ <http://appsso.eurostat.ec.europa.eu/nui/submitViewTableAction.do>

^{3, 4, 5} Nguồn: <https://www.cdc.gov/nchs/data/dvs/national-marriage-divorce-rates-00-17.pdf>

hành (companionship marriage) và hôn nhân là sự lựa chọn cá nhân (individualised marriage) (Cherlin, 2004; Mace, 1991). Những xu hướng nhân khẩu học cùng với sự suy giảm của các chuẩn mực xã hội về hôn nhân dẫn đến sự thay đổi tâm thế hướng đến hôn nhân hoặc là sự giải thể của thiết chế hôn nhân (Blankenhorn, 2007; Cherlin, 2004); tỷ lệ ly hôn tăng; tỷ lệ kết hôn giảm, tuổi trung bình kết hôn tăng, gia tăng số cặp sống chung không kết hôn (Bumpass & Lu, 2000; Kiernan, 2001) và hôn nhân đồng giới (Weeks, Heaphy & Donovan, 2001; Weston, 1991). Những biến đổi này trong hôn nhân dẫn đến những thay đổi trong tổ chức gia đình như: sự tăng lên của những gia đình ghép - có con cái cùng cha khác mẹ hoặc cùng mẹ khác cha - không kết hôn và sự tăng lên của số lượng kết hôn lần đầu liên quan đến các gia đình ghép (stepfamilies) (Cherlin, 2004).

Với sự đa dạng về văn hóa, những vấn đề chủ yếu trong biến đổi hôn nhân và gia đình ở châu Á được xem xét trong quan hệ với hệ thống thân tộc và những biến đổi nhân khẩu học. Một bộ phận thanh niên ở khu vực Nam Á vẫn ghi nhận việc cha mẹ quyết định hôn nhân của họ. Trái lại, ở khu vực Đông Á, hệ thống hôn nhân dần xếp đã sụp đổ, trong khi việc thiếu vắng giao tiếp xã hội với người khác giới làm gia tăng tình trạng độc thân. Có những bằng chứng cho thấy ở Đông Á và Đông Nam Á, nhiều người trẻ gặp khó khăn trong việc tìm hiểu người khác giới khi thiếu hệ thống hôn nhân dần xếp, mặc dù đã có những thích nghi nhất định với sự xuất hiện của những yếu tố mới như văn phòng môi giới hôn nhân ở Malaysia, hoặc sự phát triển của việc hẹn hò qua mạng được sự bảo trợ của chính phủ như ở Singapore. Mặt khác, xu thế kết hôn muộn và tỷ lệ kết hôn giảm là phổ biến ở hầu hết các nước ở châu Á (Jones, 2010).

Những biến đổi nhân khẩu học như tỷ lệ ly hôn, tỷ lệ kết hôn muộn, quan hệ tình dục trước hôn nhân, sinh con ngoài giá thú, và sống chung không kết hôn tăng lên gần đây cho thấy sự biến đổi của hôn nhân ở Đông Á. Tuổi kết hôn lần đầu ở Nhật Bản, Hàn Quốc và Đài Loan đều trên 30 tuổi đối với nam và trên 28 tuổi đối với nữ (số liệu năm 2010). Khoảng 20% phụ nữ ở Nhật Bản sinh sau năm 1970 và khoảng ¼ số phụ nữ Đài Loan trong độ tuổi 15-29 (trong năm 2004) đã lựa chọn sống chung không kết hôn. Ở các nước thuộc Đông Á như Nhật Bản, Hàn Quốc, từ năm 1980, tỷ lệ ly hôn gia tăng. Đặc biệt ở Trung Quốc, khủng hoảng kinh tế và những thay đổi chính sách liên quan đến ly hôn giai đoạn 1995-2000 cũng khiến tỷ lệ ly hôn tăng (Jones, 2010; Raymo, Hyunjoon Park, Yu Xie and Wei-jun Jean Yeung, 2015).

3. Nhận thức của thanh niên về hôn nhân - gia đình

Nhiều nhà nghiên cứu chỉ ra rằng, có một sự liên quan giữa quan điểm của cá nhân về hôn nhân của người khác và thái độ của mỗi cá nhân đối với hôn nhân. Thái độ của cá nhân được thể hiện trong kỳ vọng của họ về hôn nhân. G. Jones và E. Nelson (1996) đã mô tả 3 kỳ vọng: bi quan, thực tế và lý tưởng. Họ khẳng định, chủ nghĩa lý tưởng về hôn nhân thường dựa trên tình yêu lãng mạn, tình yêu lãng mạn lại dựa trên đam mê, mà đam mê chỉ đơn giản là sự mê đắm tạm thời. Những người đang chìm đắm trong tình yêu lãng mạn có thể nghĩ rằng giai đoạn này trong cuộc sống của họ sẽ kéo dài mãi mãi. Để giải thích cho thái độ đam mê này, trong lý thuyết tam giác, R.S. Miller và các đồng nghiệp (2005) đã phân tích mối quan hệ lâu dài dựa trên ba yếu tố: niềm đam mê, tính chân thành và sự cam kết. Khi cuộc hôn nhân chỉ có tình yêu nồng nàn thì mối quan hệ dường như không kéo dài bởi niềm đam mê có thể dẫn

đến nhận thức sai, không chính xác về hôn nhân, trong khi tính chân thành và sự cam kết có xu hướng dẫn đến một quyết định bền vững về hôn nhân.

Nghiên cứu của Sternburg (Dẫn theo: Reis và Rusbult, 2004) cho thấy, những người có quan điểm lãng mạn hoặc đam mê về hôn nhân đã không tìm thấy sự hài lòng trong hôn nhân và có khả năng bị trôi chảy vào việc tìm kiếm một hôn nhân lý tưởng. Tuy nhiên, nhận thức về một hôn nhân “lãng mạn” vẫn rất phổ biến ở giới trẻ ngay cả khi họ được sinh ra trong gia đình không có bố.

Trong nhận thức về hôn nhân, phần lớn thanh niên vẫn hy vọng và có dự định sẽ kết hôn. Khảo sát thanh niên ở các trường phổ thông trung học được thực hiện hàng năm kể từ năm 1976 ở Mỹ cho thấy, tỷ lệ không đổi, khoảng 80% nữ giới, 78% nam giới mong muốn kết hôn (Thornton & Young-DeMarco, 2001; Regnerus & Uecker, 2011). Do đó, mặc dù có sự suy giảm về ý nghĩa của hôn nhân, nhưng hầu hết thanh niên vẫn có sự cam kết sâu sắc về lý tưởng, sự kỳ vọng về hôn nhân và ý định kết hôn (Carroll et al, 2007).

Từ quan điểm tương tác biểu tượng, nghiên cứu của Nicole Margaret Kay (2012) cho thấy nhận thức chung của thanh niên Mỹ hướng đến hôn nhân là tích cực. Dựa trên mẫu nghiên cứu 700 sinh viên đang học cao đẳng, đại học hoặc đã tốt nghiệp, Kay cho rằng thanh niên không phải là một nhóm đồng nhất mà là những nhóm có những đặc trưng riêng biệt với những quan điểm khác nhau về tính thiêng liêng của quan hệ hôn nhân và sự thiện ý trong quan hệ. Tâm thế và niềm tin trong hôn nhân là đa dạng và khác biệt giữa các nhóm.

Nghiên cứu nhận thức của thanh niên hướng đến hôn nhân và những xu hướng thay đổi trong hôn nhân ở Ấn Độ, các tác giả N. Bhavana và Dr.K.S. Roopa (2015) đã

lựa chọn 3 khái niệm chủ chốt là khái niệm hôn nhân, tâm thế hướng đến hôn nhân và những xu hướng thay đổi trong hôn nhân. Kết quả chỉ ra rằng: đa số thanh niên có tâm thế trung bình và tích cực hướng đến hôn nhân, đời sống gia đình. Đời sống hôn nhân giúp cá nhân có sự an toàn về tâm lý, họ xem hôn nhân như một sự cam kết suốt đời (Xem thêm: Tatheer Fatima, 2015).

Mô hình sống chung không kết hôn và có con ngoài giá thú là điển hình của sự biến đổi hôn nhân và đời sống gia đình ở Tây Âu. Vấn đề sống chung không kết hôn xuất hiện từ đâu và ai là người khởi xướng là những câu hỏi không có câu trả lời xác định. Sống chung sau khi ly hôn là hình thức phổ biến trong những năm 1950 và 1960 ở Tây Âu. Nghiên cứu và phân tích từ các gia đình có thu nhập thấp, vấn đề đặt ra là cần phải xem xét cả ba sự lựa chọn: kết hôn, sống chung không kết hôn và sống độc thân. Trong khi kết hôn là điều lý tưởng thì sống chung không kết hôn và độc thân có thể là sự lựa chọn hợp lý cho những người có thu nhập thấp (Xem: Jayakody & Cabrera, 2002).

Nhận thức về việc sống chung không kết hôn của thanh niên ở châu Á có sự khác biệt giữa các quốc gia và đang thay đổi. Ở Hàn Quốc, nhận thức về sống chung không kết hôn còn khá bảo thủ, trong khi nhận thức của thanh niên hướng đến sống chung không kết hôn ở Nhật Bản và Trung Quốc lại khá tích cực. Tuy nhiên, việc sống chung không kết hôn ở Nhật Bản và Trung Quốc chỉ được xem như một bước đệm đối với hôn nhân hơn là hình thức đi ngược lại với việc kết hôn (Raymo et al, 2015). Ở Ấn Độ, sống chung không kết hôn không bị coi là bất hợp pháp nhưng không được chấp nhận về mặt xã hội và đạo đức. Nhận thức của thanh niên về hôn nhân còn bị ảnh hưởng bởi những yếu tố như phong tục gia đình, sự thừa nhận của cộng đồng, những quy định

về mặt đẳng cấp và tôn giáo. Sống chung không kết hôn không phải là lựa chọn phổ biến của thanh niên ở Ấn Độ (Ramsheena and Nagaraju Gundemeda, 2015).

Nam giới và nữ giới đều có nhiều kỳ vọng về hôn nhân trong cuộc sống của mình. Nếu trước đây hôn nhân do cha mẹ quyết định thì nay đã thay đổi, điều này được phản ánh trong cả hành vi và tư tưởng của hai giới. Nghiên cứu của N. Bhavana, Dr.K.S. Roopa (2015) và Tatheer Fatima (2015) nêu rõ, tâm thế hướng đến hôn nhân của nữ giới tích cực hơn so với nam giới. Phần lớn nam giới cho rằng có con là cần thiết để trông nom bố mẹ già và kéo dài sự tồn tại của gia đình, trong khi nữ giới nhấn mạnh đến sự thỏa mãn tình cảm của cha mẹ.

Thang bậc giá trị trong tự do hôn nhân của nam giới cao hơn nữ giới. Nam và nữ có quan điểm khác nhau về quyết định hôn nhân từ cha mẹ. Trong khi nữ giới cho rằng hôn nhân nên do cha mẹ quyết định, thì trái lại nam giới cho rằng hôn nhân cần được quyết định bởi bản thân người trong cuộc. Những khác biệt này là do hệ thống giá trị phát triển và thay đổi theo thời gian.

Ở Việt Nam, nhận thức về hôn nhân và gia đình của thanh niên là một trong những vấn đề được quan tâm, đặc biệt là thời kỳ sau Đổi mới. Hôn nhân như một giá trị và định hướng của thanh niên. Trong các tiêu chuẩn lựa chọn bạn đời, định kiến giới là khá phổ biến.

Kết quả nghiên cứu biến đổi hôn nhân ở Việt Nam trong giai đoạn 1965-1992 cho thấy, ý nghĩa của hôn nhân trong giai đoạn trước Đổi mới (1965-1985) mang tính chất tập thể nhiều hơn cá nhân. Nó bị chi phối bởi quyền lợi của gia đình, cộng đồng và đôi khi cả tổ chức xã hội (Daniele Belanger và Khuất Thu Hồng, 1996).

Xu hướng thanh niên tự quyết định hôn nhân của mình cũng sẽ là một hướng

tất yếu khi môi trường giao tiếp và làm việc của họ rộng mở hơn. Đặc biệt, với sự trợ giúp của công nghệ thông tin, các mối quan hệ của con cái dần vượt khỏi tầm kiểm soát của cha mẹ. Việc hỏi ý kiến cha mẹ trong quyết định hôn nhân đã chuyển biến cơ bản về nội dung khi nó chủ yếu mang ý nghĩa thể hiện sự kính trọng của con cái chứ không phải để bố mẹ can thiệp. Sự thay đổi nhận thức này trong giới trẻ mang giá trị tích cực (Vũ Tuấn Huy và các đồng nghiệp, 2004; Kết quả của nghiên cứu Điều tra gia đình Việt Nam 2006; Lê Thi, 2009; Nguyễn Văn Lược, Nguyễn Đỗ Hồng Nhung, 2010).

Nghiên cứu của Lindy Williams (2009) về tâm thế hướng đến hôn nhân và những đòi hỏi của hôn nhân ở miền Bắc Việt Nam cho thấy, có sự nhất trí cao giữa các nhóm trong luận điểm hôn nhân vẫn hết sức quan trọng ở Việt Nam. Tuy nhiên, có sự khoan dung đáng kể đối với những người không hoặc chưa kết hôn do điều kiện hoặc hoàn cảnh nào đó. Có sự khác biệt trong nhận thức về việc sống chung không kết hôn và quan hệ tình dục trước hôn nhân ở Việt Nam theo thể hệ và có sự khác biệt giữa đô thị - nông thôn.

Các nghiên cứu đã xem xét về nhận thức và hành vi của thanh niên đô thị ở Việt Nam liên quan đến những vấn đề trong quá trình hẹn hò, tìm hiểu của thanh niên, như: ý nghĩa của các quan hệ thân mật giữa hai giới; vấn đề trinh tiết - nhất là đối với phụ nữ; quan hệ tình dục trước hôn nhân và sống chung không kết hôn; giáo dục giới tính; các yếu tố ảnh hưởng đến tâm thế của thanh niên về hôn nhân và gia đình (như hệ tư tưởng Nho giáo, gia đình, trường học, bạn bè và mạng xã hội,...). Kết quả cho thấy, ở Việt Nam, có tình trạng thiếu thông tin và thảo luận về vấn đề tình dục, có những định kiến trong nhận thức của thanh niên nói

chung về hôn nhân và gia đình cũng như sự chưa đồng nhất trong các kết quả nghiên cứu (Xem: Alexa DiFiore, 2011).

3. Kết luận

Bước sang thế kỷ XXI, chúng ta đã chứng kiến sự thay đổi trong nhận thức của thanh niên về hôn nhân - gia đình không những ở Việt Nam và cả trên thế giới. Những thay đổi đó đã phá vỡ các quan niệm, ý tưởng cũ về gia đình và đòi hỏi những khám phá, tìm tòi mới về bản chất của gia đình.

Thanh niên ngày nay được tự do lựa chọn bạn đời và quyết định việc hôn nhân theo quan điểm của mình. Hành vi chọn bạn đời đúng đắn, phù hợp là cơ sở đầu tiên để mỗi người tạo dựng một gia đình hạnh phúc cho chính mình. Tuy nhiên, có thể do quá tự do trong việc kết hôn, nhiều thanh niên nhận thức việc hôn nhân không còn quan trọng như trước đây. Trong gia đình, sự bình đẳng trong quan hệ vợ chồng đôi khi “quá mức” dẫn đến cảnh xung đột, ý thức trách nhiệm với gia đình giảm sút. Nhiều thanh niên nhận thức: khi vợ chồng xung đột với nhau, không còn yêu nhau thì ly hôn là cách tốt nhất, là giải thoát cần thiết cho mỗi người và họ luôn đặt cái tôi của mình cao hơn quyền lợi của con cái. Do đó, có thể thấy, ngày nay tỷ lệ ly hôn trong các gia đình trẻ cao hơn nhiều so với trước kia, thời gia đình phong kiến. Điều đó cho thấy: sự bền vững của gia đình liên quan trực tiếp đến nhận thức của mỗi người về gia đình, về vai trò, trách nhiệm của người vợ, người chồng trong gia đình.

Ở nhiều nước phương Tây, vai trò của người cha truyền thống gắn liền với các khái niệm như “chủ gia đình”, “trụ cột gia đình”, “quyền uy người cha”,... đã dần biến mất cùng với sự thay đổi của các quan hệ hôn nhân và gia đình. Hiện nay ở phương Tây, tỷ lệ trẻ em sống trong những gia đình đơn thân, chỉ có cha hoặc mẹ với những

đứa con chưa trưởng thành (lone parent families), đang ngày càng tăng lên do kết quả của tình trạng ly hôn, ly thân, phụ nữ sống độc thân có con.

Những thay đổi trong nhận thức về gia đình của thanh niên ngày nay cho dù nhanh hay chậm nhưng tương đối nhất quán về nội dung giữa gia đình phương Tây và phương Đông. Các nghiên cứu đều chỉ ra rằng, gia đình đang phải đối diện với những biến động và hệ quả của sự biến động về nhận thức trong hôn nhân - gia đình của giới trẻ. Sự biến động đó đang khiến nhiều quốc gia trở nên khó khăn trong việc nghiên cứu để giữ gìn những giá trị chuẩn mực có tác động tích cực đến sự phát triển nhân cách của con người trong gia đình truyền thống nhưng không mâu thuẫn với việc xây dựng những chuẩn giá trị mới phù hợp với thời đại và giao lưu quốc tế □

Tài liệu tham khảo

Tiếng Việt

1. Mai Kim Châu (1983), “Những giá trị định hướng việc hôn nhân của thanh niên”, Tạp chí *Xã hội học*, số 4, Hà Nội.
2. Belanger, Daniele và Khuất Thu Hồng (1996), “Một số biến đổi trong hôn nhân và gia đình ở Hà Nội trong những năm 1965-1992”, Trong: Trương Lai (chủ biên, 1996), *Những nghiên cứu xã hội học về Gia đình Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
3. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Tổng Cục Thống kê, Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới và UNICEF (2008), *Kết quả điều tra gia đình Việt Nam năm 2006*, Hà Nội.
4. Vũ Tuấn Huy (chủ biên, 2004), *Xu hướng gia đình ngày nay (Một vài đặc điểm từ nghiên cứu thực nghiệm tại Hải Dương)*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

5. Nguyễn Văn Lược, Nguyễn Đỗ Hồng Nhung (2010), “Định hướng giá trị trong việc lựa chọn bạn đời của sinh viên”, Tạp chí Tâm lý học, số 4, tr. 42-49, Hà Nội.
6. Lê Thị (2009), *Sự tương đồng và khác biệt trong quan niệm về hôn nhân gia đình giữa các thế hệ người Việt Nam hiện nay*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
7. UNFPA (2016), *Báo cáo tác động của biến đổi cơ cấu tuổi dân số đến kinh tế Việt Nam và đề xuất chính sách*, <https://vietnam.opendevelopmentmekong.net/vi/dataset/>
8. Alexa DiFiore (2011), *Youth Dating Culture in Urban Vietnam: Attitudes, Behaviors, and Influences*, Collection, http://digitalcollections.sit.edu/isp_collection/1059
9. Bhavana, N. & Roopa, K.S. (2015), *Youth Attitude towards Marriage and Changing Trends in Marriage*, International Journal of Science and Research, Vol. 4, No. 7.
10. Blankenhorn, D. (2007), *The future of marriage*, Encounter Press, New York.
11. Bumpass, L.L. & Lu, H.H. (2000), *Trends in cohabitation and implications for children's family contexts in the United States*, Population Studies, Vol. 54, No. 1 (2000): p. 19-41.
12. Carroll, J.S., Willoughby, B., Badger, S., Nelson, L.J., Barry, C.M., & Madsen, S.D. (2007), *So close, yet so far away: The impact of varying marital horizons on emerging adulthood*, Journal of Adolescent Research, Vol. 22: p. 219-247.
13. Cherlin, A.J. (2004), *The deinstitutionalization of American marriage*, Journal of Marriage and Family, Vol. 66: p. 848-861.
14. Engelen, T., Puschmann, P. (2011), *How unique is the Western European marriage pattern? A comparison of nuptiality in historical Europe and the contemporary Arab world*, https://www.researchgate.net/figure/The-development-of-the-crude-marriage-rate-in-some-Western-countries_tbl1_230764864
15. Jayakody, R. & Cabrera N. (2002), *What are the choices for low-income families?: Cohabitation, Marriage, and remaining Single*, Inc Publishers.
16. Jones, Gavin W. (2010), *Changing Marriage Patterns in Asia*, Asia Research Institute Singapore.
17. Jones, G. and Nelson, E. (1996), *Expectations of marriage among college students from intact and non-intact homes*, Journal of Divorce & Remarriage, Vol. 26, No. 1-2: p. 171-189.
18. Kay Nicole Margaret (2012), *The Changing Meaning of Marriage: An Analysis of Contemporary Marital Attitudes of Young Adults*, Theses and Dissertations, <https://scholarsarchive.byu.edu/etd/2969>
19. Kiernan, Kathleen (2001), “The rise of cohabitation and childbearing outside marriage in Western Europe”, *International Journal of Law, Policy and the Family*, Vol. 15: p. 1-21.
20. Knox, D., Schacht, C. (2009), *Choices in Relationships: An Introduction to Marriage and the Family*, 10th Edition, Cengage Learning Publisher, USA.
21. Mace David R. (1991), *Contemporary Issues in Marriage*. In *Sociological Footprints - Introductory Readings in Sociology*, Fifth edition, Cengage Learning Publisher, USA: p. 135-141.
22. Miller, R.S., Perlman D., & Brehm, S.S. (2005), *Intimate relationships* Fourth edition, McGraw-Hill Press, New York.

Tiếng Anh

23. Mohan, A.K, Gangotri Dash (2016), "Perception of youth on marriage practices: A study in Dodda Birana Kuppe Gram Panchayat, HD Kote Taluc, Mysuru District", *International Journal of Research - Granthaalayah*, Vol. 4, No. 3 (2016): p. 42-52.
24. Ramsheena, C.A. and Nagaraju Gundemeda (2015), *Youth and Marriage: A Study of Changing Marital Choices among the University Students in India*, https://www.researchgate.net/publication/321215042_Youth_and_Marriage_A_Study_of_Changing_Marital_Choices_among_the_University_Students_in_India
25. Raymo, James M., Hyunjoon Park, Yu Xie and Wei-jun Jean Yeung (2015), "Marriage and Family in East Asia: Continuity and Change", *The Annual Review of Sociology*, Vol. 41 (2015): p. 8.1-8.22.
26. Regnerus, M. & Uecker, J. (2011), *Premarital sex in America: How young Americans meet, mate, and think about marrying*, Oxford University Press, Oxford.
27. Reis, H.T. and Rusbult, C.E. (2004), *Close Relationships: Key Readings*, Psychology Press.
28. Tatheer Fatima (2015), "Attitude of adolescents towards marriage and family life", *International Journal of Innovative Social Science & Humanities Research*, Vol. 2, No.3: p. 2454-1826 (Online).
29. Thornton, A. & Young-DeMarco, L. (2001), "Four decades of trends in attitudes toward family issues in the United States: The 1960s through the 1990s", *Journal of Marriage and Family*, Vol. 63: p.1009-1037.
30. Villeneuve-Gokalp, C. (1991), "From marriage to informal union: Recent changes in the behaviour of French couples. Population Review", Vol. 3: p. 81-111.
31. Weeks, J., Heaphy, B., & Donovan, C. (2001), *Same sex intimacies: Families of choice and other life experiments*, Routledge Press, London.
32. Weston, K. (1991), *Families we choose: Lesbians, gays, kinship*, Columbia University Press, New York.
33. Williams, Lindy (2009), "Attitudes toward marriage in northern Vietnam: what qualitative data reveal about variations across gender, generation, and geography", *Journal of Population Research*, Vol. 26, N4 (12/2009): p. 285-304.

(tiếp theo trang 22)

3. Xuân Tùng (2019), *Truy tố 21 bị can trong vụ bán đất công sản tại Đà Nẵng liên quan Vũ "nhôm"*, <http://www.hanoimoi.com.vn/tin-tuc/phap-dinh/948239/truy-to-21-bi-can-trong-vu-ban-dat-cong-san-tai-da-nang-lien-quan-vu-nhom>
4. Nam Trần - Trí Tuệ (2019), *Điểm mặt những dự án sai phạm 'choáng váng' của Mường Thanh giữa thủ đô*, <https://tuoitre.vn/diem-mat-nhung-du-an-sai-pham-choang-vang-cua-muong-thanh-giua-thu-do-20190715132514063.htm>
5. Nhóm phóng viên Tuổi trẻ (2019), *Điều tra: Asanzo có lừa dối người tiêu dùng?*, <https://tuoitre.vn/dieu-tra-asanzo-co-lua-doi-nguoi-tieu-dung-20190624075641521.htm>